TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS-ST
Ngày: 25-7-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Linh;
Ông Trần Tiến Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 25-7-2022, tại trụ sở TAND huyện Ea H'Leo, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 533/2021/TLST-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2021, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐ-ST ngày 15/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn 15, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Bị đơn: Ông Kpă Y Tr, có mặt;
Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk;
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông Niê Y K, vắng mặt;
Địa chỉ: Buôn D, xã D, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk;
Chỗ ở hiện nay: Số nhà 221 (số 44 cũ), khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đông Nai;
- Người làm chứng:
- Bà Nay H' D, có mặt;
Địa chỉ: Buôn K , xã ES, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk;
- Bà Kpă H' h, vắng mặt;
Địa chỉ: Buôn Kr, xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk;
- Ông Niê Y Đ, vắng mặt;
Địa chỉ: Buôn H, xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án lời khai của nguyên đơn thể hiện:

Vào ngày 04/01/2019 tôi có cho ông Kpă Y Tr vay số tiền là 84.000.000 đồng, ông Kpă Y Tr đã thanh toán dứt điểm cho tôi số nợ trên. Cùng ngày 04/01/2019, ông Kpă Y Tr có dẫn ông Niê Y K đến vay tôi số tiền 84.000.000 đồng. Tôi nói tôi không biết Y K là ai, nên không đồng ý cho vay. Nếu Kpă Y Tr ký vay tiền thì tôi đồng ý, còn Kpă Y Tr vay hộ cho Y Klà việc của Kpă Y Tr, không liên quan đến tôi. Sau khi tôi đưa điều kiện như vậy thì Kpă Y Tr đồng ý ký vay 84.000.000 đồng, hẹn đến ngày 15/12/2019 Kpă Y Tr phải thanh toán cho tôi số nợ trên. Giấy mượn tiền Kpă Y Tr ký vay tôi 84.000.000 đồng sau khi Kpă Y Tr thanh toán, tôi đã gạch và hủy bỏ giấy vay giữa tôi và Kpă Y Tr. Giấy vay hiện nay tôi kiện Kpă Y Tr là giấy Kpă Y Tr ký vay khoản Y Tr nói vay cho Y K. Tôi không liên quan gì đến Y K về số nợ này, không có giấy vay nào tôi cho Y K vay mà Kpă Y Tr ký làm chứng.

Nay quá hạn trả nợ đã lâu nhưng Kpă Y Tr không trả nợ cho tôi, nên tôi khởi kiện yêu cầu Kpă Y Tr trả cho tôi số nợ 84.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày vay 04/01/2019 đến ngày 04/12/2021 với mức lãi suất là 1%/tháng /nợ là 35 tháng x 840.000 đồng/tháng là 16.800.000 đồng.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Tôi có vay bà N 84.000.000 đồng vào ngày 04/01/2019, khoản nợ này tôi đã thanh toán cho bà Năm đầy đủ. Song, khi trả nợ tôi không yêu cầu bà N xóa giấy mượn tiền.

Cùng ngày 04/01/2019, tôi có ký làm chứng cho anh Niê Y K vay của bà N 84.000.000 đồng, trong giấy vay của Y K và bà N. Tôi chỉ ký làm chứng giấy vay tiền Y K vay bà Năm 84.000.000 đồng, chứ không ký vay độc lập. Giấy vay tiền bà N kiện đòi nợ tôi là giấy tôi vay bà N nhưng khi trả chưa gạch và chưa hủy giấy vay. Bà N sử dụng giấy vay này để kiện tôi là không đúng. Song, tôi không có chứng cứ xác định sự việc tôi trình bày ở trên. Thực tế khi tôi dẫn Y K đến vay tiền bà N còn có Kpă H'h - trú tại Buôn K, xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk, Niê Y Đ - trú tại buôn H, xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk cùng đi vay tiền chứng kiến. Ngày 13/6/2022 Y K có viết giấy xác nhận ngày 04/1/2019 Y K có vay bà N 84.000.000 đồng, nay chưa trả, Y Tr có chứng kiến. Tôi khẳng định ngoài giấy vay tiền do bà N xuất trình còn có giấy vay tiền Y K vay bà N tôi ký làm chứng. Tôi đề nghị bà N xuất trình giấy vay tiền của Y K vay bà N có chữ ký của tôi là người làm chứng. Nay bà N kiện tôi đòi số nợ Y K vay bà Năm là không đúng, nên tôi không chấp nhận trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Niê Y K, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bà Kpă H'H, ông Niê Y Đ là người làm chứng đến Tòa án làm việc. Song các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không làm việc được với các đương sự về những nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án theo quy định.

3. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

3.1 Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy

định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại các buổi làm việc.

3.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 84.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo,tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Y K, người làm chứng là ông Niê Y Đ, chị Kpă H'h, đến Tòa án để họ tự khai hoặc Tòa án lấy lời khai của họ về những vấn đề họ biết hoặc liên quan đến việc giải quyết vụ án. Song, các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành làm việc được với anh Niê Y K, Niê Y Đ và Kpă H'h được theo quy định.

Tại phiên tòa vắng mặt bà Trần Thị N (bà N đã có đơn xin xét xử vắng mặt); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là anh Y K; người làm chứng anh Niê Y Đ, chị Kpă H'h. Đây là phiên tòa lần thứ hai, việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án. Hội đồng xét xử hội ý và quyết định tiếp tục phiên tòa.

[3] Về nội dung:

Vào ngày 04/01/2019 bà Trần Thị N (gọi tắt là bà N) có cho anh Kpă Y Tr (gọi tắt là Y Tr) vay 84.000.000 đồng, hẹn trả nợ vào ngày 15/12/2019. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác nhận ông Kpă Y Tr đã trả cho bà N số nợ trên.

Cùng ngày 04/01/2019, Kpă Y Tr có dẫn ông Niê Y K (gọi tắt là Y K) đến vay bà N số tiền 84.000.000 đồng. Do bà N không biết Y K là ai, nên không đồng ý cho vay. Vì vậy, bà Nyêu cầu ông Kpă Y Tr ký vay số tiền nói trên, ông Y Tr đồng ý ký vay tiền. Do đó, bà N đã đồng ý cho Kpă Y Trvay 84.000.000 đồng, thời hạn thanh toán vào ngày 15/12/2019. Đến hạn trả nợ ông Kpă Y Tr không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó bà N khởi kiện yêu cầu ông Kpă Y Tr phải trả cho bà N 84.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày vay 04/01/2019 đến ngày

01/12/2021 với mức lãi suất là 1%/tháng /nợ là 35 tháng x 840.000 đồng/tháng là 16.800.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Kpă Y Tr thừa nhận, ngày 04/01/2019 ông có vay bà N 84.000.000 đồng, ông đã thanh toán xong nợ cho bà N như bà N trình bày. Cùng ngày ông có ký làm chứng việc ông Y K vay bà N số tiền 84.000.000 đồng. Tuy nhiên khi trả khoản nợ ông vay bà N, ông không yêu cầu bà N sé giấy vay ông đã ký vay bà N số tiền trên, nên bà N dùng giấy vay này kiện ông mà không xuất trình giấy vay do ông Y K ký vay tiền bà N. Do đó, ông không đồng ý trả cho bà N số nợ trên. Tuy nhiên ông Y Tr không cung cấp được chứng cứ chứng minh sự việc như ông trình bày. Ngoài ra, ông Y Tr cho rằng khi ông ký vay tiền giúp ông Y K thì có ông Niê Y Đ và bà Kpă H'h chứng kiến. Ngày 16/6/2022, ông Y Tr có cung cấp 01 giấy có chữ ký tên ông Y K đề ngày13/6/2022 có ghi nội dung; ngày 04/1/2019 Y K có vay bà N 84.000.000 đồng, nay chưa trả, Y Tr có chứng kiến cho tôi. Ông Y Trxác định việc ông Y K viết giấy có chị Nay H'D biết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H' D xác nhận chị không biết gì về việc vay mượn tiền giữa ông Y Tr với bà N và ông Y K. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Niê Y Đ, chị Kpă H'H và ông Niê Y K đến Tòa án làm việc để họ tự khai hoặc Tòa án lấy lời khai của họ về những vấn đề học biết hoặc liên quan đến việc giải quyết vụ án. Song, các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành làm việc được với Niê Y Đ, Kpă H'H và Y K được theo quy định.

Nhận thấy, việc ông Y K xác nhận vay của bà Năm số tiền nói trên, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ xác định ông Y K là người vay tiền còn ông Y Tr chỉ là người làm chứng. Chứng cứ là giấy vay tiền do bà N cung cấp thì người ký và viết giấy vay tiền là ông Y Tr, không thể hiện nội dung ông Y Tr vay giúp cho ông Y K hoặc làm chứng việc ông Y K vay tiền bà N như ông Y K và ông Y Tr trình bày. Mặt khác ông Y Tr thừa nhận giấy vay tiền đề ngày 04/01/2019 là chữ viết và chữ ký của ông.

Ông Y Tr khẳng định ngoài giấy vay tiền do bà N xuất trình còn có giấy vay tiền ông Y K vay bà N ông có ký làm chứng, ông đề nghị bà N xuất trình giấy vay tiền của ông Y K vay bà N có chữ ký của ông là người làm chứng. Quá trình giải quyết vụ án bà N khẳng định sau khi ông Y Tr thanh toán tiền cho bà, bà đã hủy giấy vay tiền giữa bà và ông Y Tr, còn giấy vay tiền hiện nay bà kiện ông Y Tr là giấy vay ông Y Tr nói ông vay giúp cho ông Y K, nên bà không còn giấy vay nào khác để cung cấp. Ngoài lời trình bày trên ông Y Tr không có chứng cứ nào khác xác định ông chỉ ký làm chứng cho Y K vay tiền bà Năm. Vì vậy, trình bày của ông Y Tr không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà N không thừa nhận sự việc ông Y Tr trình bày ở trên, mà cho rằng ông Y Tr có dẫn ông Y K đến vay tiền của bà nhưng bà không biết ông Y K, nên không đồng ý cho vay và yêu cầu ông Y Tr ký vay bà 84.000.000 đồng nói trên, phù hợp với chứng cứ là giấy vay tiền do bà N cung cấp. Vì vậy, có căn cứ xác định ngoài số tiền 84.000.000 đồng ông Y Tr đã vay bà Năm vào ngày 04/01/2019, thì cùng ngày 04/01/2019 ông Y Tr còn ký vay bà N 84.000.000 đồng, hẹn 15/12/2019 thanh toán, theo bà N trình bày số tiền này ông ký và vay giúp cho ông Niê Y K. Đến nay, đã quá hạn thanh toán nhưng ông Y Tr không thực hiện nghĩa

vụ của mình, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông Y Tr phải thanh toán cho bà số nợ trên.

Nhận thấy hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa bà N và ông Y Tr ngày 04/01/2019 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bà N đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình, nhưng ông Y Tr đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông Y Tr phải trả cho bà N số nợ 84.000.000 đồng là phù hợp, cần chấp nhận.

Về lãi suất, bà N khởi kiện yêu cầu anh Y Tr phải thanh toán cho bà N 16.800.000 đồng nợ lãi, lãi suất tính từ ngày vay 04/01/2019 đến ngày 01/12/2021 với mức lãi suất là 1%/tháng /nợ. Quá trình giải quyết vụ án bà N yêu cầu Tòa án tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Nhận thấy, tại giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất, ông Y Tr cũng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữ bà Trần Thị N và ông Kpă Y Tr là hợp đồng vay không có lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì:

"... 1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc);"….

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"…2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."…

Như vậy, lãi suất được tính từ ngày ông Y Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán (ngày 15/12/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2022), theo mức lãi suất là 0,83%/tháng/nợ (10%:12 tháng) = 0,83%. Cụ thể lãi suất được tính như sau:

(84.000.000 đồng x 0.83%) x 31 tháng 07 ngày = 21.775.880 đồng, làm tròn thành 21.776.000 đồng .

Tổng số tiền ông Y Tr phải thanh toán cho bà N là 105.776.000 đồng, trong đó nợ gốc là 84.000.000 đồng, nợ lãi là 21.776.000 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Vì vậy, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: 105.776.000 đồng x 5% = 5.289.000 đồng. Trả lại cho nguyên đơn 2.520.000 đồng, tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0000627, ngày 22/12/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 5 nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2]Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N. Buộc ông Kpă Y Tr phải trả cho bà Trần Thị N số tiền 105.776.000 (một trăm linh năm triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng, nợ lãi là 21.776.000 (hai mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng. (lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 25/7/2022) .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Kpă Y Tr phải chịu 5.289.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị N 2.520.000 đồng, tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0000627, ngày 22/12/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Thị Phượng

Nơi nhận:
- TAND Huyện Ea H'Leo;
- THA.DS Huyện EH;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.